

Số: 1923/QĐ-UBND

*Cần Thơ, ngày 27 tháng 7 năm 2017*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn thành phố  
Cần Thơ đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;

Căn cứ Quyết định số 124/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển sản xuất nông nghiệp đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10 tháng 6 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững;

Căn cứ Quyết định số 1533/QĐ-TTg ngày 30 tháng 8 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Cần Thơ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 678/QĐ-TTg ngày 19 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 639/QĐ-BNN-KH ngày 02 tháng 4 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt Quy hoạch nông nghiệp, nông thôn vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 trong điều kiện biến đổi khí hậu;

Căn cứ Quyết định số 805/QĐ-BNN-KH ngày 22 tháng 4 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt Quy hoạch nông nghiệp, nông thôn vùng kinh tế trọng điểm vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc thông qua Quy hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn thành phố Cần Thơ đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 1668/TTr-SNN&PTNT ngày 19 tháng 7 năm 2017,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Phê duyệt Quy hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn thành phố Cần Thơ đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030, với những nội dung chủ yếu như sau:

### **I. Quan điểm phát triển**

1. Phát huy lợi thế, khai thác hiệu quả tiềm năng đất đai, lao động, khoa học, công nghệ và dịch vụ của đô thị trung tâm vùng đồng bằng sông Cửu Long, thực hiện tái cơ cấu nền nông nghiệp và kinh tế nông thôn của thành phố theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, làm tốt vai trò là trung tâm dịch vụ khoa học kỹ thuật về sản xuất và chế biến các sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản hàng hóa của vùng đồng bằng sông Cửu Long.

2. Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, nhất là công nghệ sinh học về giống, kỹ thuật canh tác; thực hiện cơ giới hóa và công nghiệp hóa gắn với tiêu chuẩn kỹ thuật và quy trình sản xuất tiên tiến, hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung quy mô lớn theo chuỗi cung ứng, các khu và vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, tạo bước đột phá về tăng năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm, bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm, tăng thu nhập bình quân trên một đơn vị diện tích canh tác, tạo thêm việc làm và nâng cao thu nhập cho lao động khu vực nông nghiệp và nông thôn, thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

3. Đổi mới cơ chế chính sách theo hướng tăng ngân sách hỗ trợ cho nghiên cứu phát triển, chuyển giao khoa học và công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với tạo việc làm; phát triển thị trường đầu ra cho các sản phẩm chủ lực; đầu tư cơ sở hạ tầng, cung cấp thông tin và dịch vụ phục vụ sản xuất và đời sống; tạo môi trường thuận lợi khuyến khích, hỗ trợ các thành phần kinh tế đầu tư phát triển sản xuất, hình thành trang trại, hợp tác xã và các loại hình doanh nghiệp nông nghiệp phù hợp; phát huy vai trò của các doanh nghiệp chế biến và các tổ chức cộng đồng, phát triển đối tác công tư và cơ chế đồng quản lý trong đầu tư xây dựng vùng nguyên liệu và liên kết tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

4. Gắn kết chặt chẽ giữa phát triển sản xuất nông nghiệp với xây dựng nông thôn mới theo hướng văn minh, hiện đại và quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa thành phố, thu hẹp khoảng cách chênh lệch về thu nhập và điều kiện sống

giữa thành thị và nông thôn, thực hiện giảm nghèo, bảo đảm công bằng xã hội, quốc phòng, an ninh, ổn định xã hội và cải thiện môi trường nông thôn.

## **II. Mục tiêu phát triển**

### **1. Mục tiêu tổng quát**

Phát triển nền nông nghiệp thành phố Cần Thơ theo hướng nông nghiệp đô thị, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao với các sản phẩm hàng hóa và dịch vụ nông nghiệp mang tính đặc trưng của vùng đồng bằng sông Cửu Long, đạt năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh cao, gắn với phát triển du lịch và xây dựng nông thôn mới có cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất phù hợp và kết cấu hạ tầng phát triển theo hướng hiện đại, phù hợp với định hướng phát triển thành phố là phát triển dịch vụ, công nghiệp và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, thân thiện với môi trường, đảm bảo phát triển nhanh và bền vững trong thời kỳ hội nhập quốc tế.

### **2. Mục tiêu cụ thể**

#### **a) Giai đoạn 2016-2020:**

- Tốc độ tăng giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt bình quân 3,5%/năm, trong đó ngành nông, lâm nghiệp tăng bình quân trên 2,5%/năm và ngành thủy sản tăng bình quân trên 4,0%/năm;

- Cơ cấu giá trị sản xuất nông - lâm - thủy sản năm 2020: 67,1% - 0,2% - 32,7%; cơ cấu trồng trọt - chăn nuôi - dịch vụ nông nghiệp: 74,5% - 17,3% - 8,2%;

- Sản lượng lương thực ổn định trên 1,3 triệu tấn và sản lượng thủy sản đạt trên 241.500 tấn;

- Giá trị sản lượng bình quân trên 01 ha đất nông nghiệp theo giá so sánh năm 2010 đạt 115 triệu đồng và theo giá thực tế đạt 200 triệu đồng;

- Thành lập và đầu tư hạ tầng Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Cần Thơ. Hình thành và phát triển 5-10 doanh nghiệp nông nghiệp công nghệ cao, hàng năm đào tạo được 500 – 1.000 lượt cán bộ kỹ thuật, nông dân về ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp;

- Tập trung xây dựng các làng nghề, phân đầu từ nay đến năm 2020, khôi phục 05 làng nghề truyền thống và xây dựng thêm 10 làng nghề mới; tổ chức phát triển tốt các vùng nguyên liệu, đổi mới trang thiết bị và ứng dụng các công nghệ mới, giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

#### **b) Giai đoạn 2021 – 2030:**

- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất toàn ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản giai đoạn 2021 - 2030 đạt bình quân trên 2,5%/năm, trong đó ngành nông, lâm nghiệp tăng trên 2%/năm và ngành thủy sản tăng trên 3,3%/năm;

- Tăng tỷ trọng chăn nuôi trong cơ cấu giá trị sản xuất ngành nông nghiệp đến năm 2030 đạt 28% - 30% và tăng tỷ trọng dịch vụ nông nghiệp đến năm 2030 đạt 10% - 20% giá trị sản xuất ngành nông nghiệp;

- Sản lượng lương thực ổn định trên 01 triệu tấn và sản lượng thủy sản đạt trên 267.500 tấn;

- Giá trị sản lượng bình quân ha đất nông nghiệp theo giá so sánh năm 2010 đạt 135 triệu - 140 triệu đồng và theo giá thực tế đạt trên 400 triệu đồng;

- Phân đầu xây dựng hoàn thành 03 Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao góp phần thúc đẩy phát triển và ứng dụng có hiệu quả công nghệ cao trong lĩnh vực nông nghiệp. Hình thành các trung tâm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao với nòng cốt là các doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và các tổ chức khoa học, công nghệ và đào tạo tham gia đầu tư để tạo ra công nghệ cao phục vụ nông nghiệp của thành phố và vùng đồng bằng sông Cửu Long.

### **III. Các khâu đột phá**

1. Tăng đầu tư khoa học, công nghệ và phát triển nguồn nhân lực nông nghiệp, nông thôn để tạo động lực cho tăng trưởng và phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới, trọng tâm là tạo ra được các giống mới cho năng suất và chất lượng sản phẩm cao; đẩy mạnh ứng dụng các quy trình sản xuất an toàn và mô hình nông nghiệp đô thị; xây dựng các khu, vùng và khuyến khích phát triển các doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; kết hợp đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao với đào tạo nghề cho lao động nông nghiệp, nông thôn nhằm tạo sự chuyển dịch tích cực cơ cấu lao động và nâng cao thu nhập cho người dân khu vực nông thôn.

2. Tổ chức lại sản xuất các sản phẩm chủ lực ở quy mô lớn, tập trung, hiện đại, thực hiện liên kết theo chuỗi cung ứng để nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; khuyến khích các hộ sản xuất trong các vùng sản xuất tập trung hình thành các hình thức liên kết phù hợp như hợp tác xã, tổ hợp tác, xây dựng cánh đồng lớn áp dụng đồng bộ quy trình sản xuất tiên tiến; hỗ trợ các doanh nghiệp chế biến làm tốt vai trò định hướng thị trường, tham gia đầu tư xây dựng vùng nguyên liệu và bao tiêu sản phẩm cho hộ nông dân trong vùng.

3. Ưu tiên đầu tư xây dựng hạ tầng nông nghiệp, nông thôn, bao gồm: Đầu tư hệ thống thủy lợi kiểm soát lũ kết hợp hệ thống giao thông vận chuyển đạt yêu cầu hoạt động của các phương tiện cơ giới và xây dựng các cụm tuyến dân cư hiện đại; hoàn thiện hệ thống thủy lợi tưới tiêu kết hợp với trạm bơm điện đáp ứng yêu cầu chủ động sản xuất ở quy mô lớn trong điều kiện biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Đầu tư tập trung, đồng bộ, đảm bảo phát huy hiệu quả toàn bộ hệ thống các công trình, tránh tình trạng đầu tư dàn trải.

### **IV. Quy hoạch nông nghiệp đến năm 2020, định hướng đến năm 2030**

**1. Phân vùng phát triển nông nghiệp:** Phân thành 08 tiểu vùng nông nghiệp như sau:

a) Tiểu vùng nông nghiệp sinh thái cù lao: Hướng chính là phát triển các mô hình nhà - vườn, nhà - vườn - ao nuôi cá để phục vụ du lịch và sản xuất cá giống;

b) Tiểu vùng nông nghiệp sinh thái khu vực đô thị mới Thốt Nốt – Ô Môn: Hướng chính là hình thành các vùng chuyên canh lúa - màu, chuyên canh rau, hoa, cây cảnh khu vực ven đô thị và phát triển mô hình nhà - vườn trong các khu vực quy hoạch dân cư đô thị mật độ thấp;

c) Tiểu vùng nông nghiệp sinh thái khu vực đô thị trung tâm Bình Thủy – Ninh Kiều – Cái Răng: Do diện tích đất nông nghiệp còn ít và phân tán, hướng chính là phát triển các mô hình nông nghiệp đô thị ứng dụng công nghệ cao sử dụng ít đất có giá trị kinh tế cao như rau, hoa, sinh vật cảnh và trồng nấm;

d) Tiểu vùng nông nghiệp kết hợp du lịch sinh thái Phong Điền: Hướng chính là hình thành các vùng trồng cây ăn trái đặc sản, các mô hình nhà – vườn gắn với các khu dân cư đô thị và khu du lịch sinh thái;

đ) Tiểu vùng nông nghiệp kiểm soát lũ tháng 8 phía Bắc kênh Cái Sắn (vùng Tứ giác Long Xuyên): Bị ảnh hưởng lũ với mức ngập sâu, hướng chính là phát triển các mô hình sản xuất 2 – 3 vụ lúa chất lượng cao phục vụ xuất khẩu;

e) Tiểu vùng nông nghiệp kiểm soát lũ cả năm phía Nam kênh Cái Sắn – bắc kênh Thốt Nốt: Hướng chính là khu vực ven đầu các kênh trục lớn (Cái Sắn, Thốt Nốt, Thắt Lợi) phát triển ao, hầm nuôi cá thâm canh phục vụ xuất khẩu và sản xuất cá giống; khu vực đất phèn, địa hình thấp trũng thuộc Công ty TNHH MTV nông nghiệp Cờ Đỏ và xã Thạnh Lộc, phát triển mô hình 2 lúa + thủy sản và khu nông nghiệp công nghệ cao III; khu vực đất phù sa phát triển mô hình 2-3 lúa và 2 lúa – 1 màu; hình thành các vùng sản xuất lúa giống và lúa chất lượng cao;

g) Tiểu vùng nông nghiệp kiểm soát lũ cả năm phía Nam kênh Thốt Nốt – Bắc kênh Ô Môn: Hướng chính là khu vực ven các kênh lớn hình thành vùng sản xuất lúa - màu; khu vực Nông trường sông Hậu phát triển mô hình sản xuất 2 lúa + thủy sản và Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Cần Thơ; khu vực còn lại phát triển các vùng chuyên sản xuất 2-3 vụ lúa; hình thành các vùng sản xuất lúa giống và lúa chất lượng cao;

h) Tiểu vùng nông nghiệp kiểm soát lũ cả năm phía nam kênh Ô Môn – ranh huyện Phong Điền: Hướng chính là phát triển mô hình sản xuất lúa – màu khu vực giáp ranh các quận, còn lại là vùng chuyên sản xuất 2-3 vụ lúa; hình thành các vùng sản xuất lúa giống và lúa chất lượng cao.

## **2. Quy hoạch sản xuất đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030**

### **a) Trồng trọt:**

Duy trì tốc độ tăng bình quân giá trị sản xuất ngành trồng trọt đạt 2,19%/năm giai đoạn 2017 – 2020 và trên 1%/năm giai đoạn 2021 - 2030. Định hướng quy hoạch các sản phẩm chủ lực như sau:

- Cây lúa: Quy hoạch đến năm 2020, diện tích gieo trồng cả năm đạt 203.000 ha và sản lượng đạt 1,3 triệu tấn. Định hướng năm 2030, diện tích gieo trồng cả năm đạt 165.000 ha và sản lượng đạt trên 01 triệu tấn;

- Cây rau, đậu: Xây dựng các vùng sản xuất rau an toàn chuyên canh tập trung ứng dụng công nghệ cao với quy mô từ 100 - 400 ha ở mỗi quận, huyện (trừ quận Ninh Kiều). Phần đầu đến năm 2020 đạt 10.000 ha và sản lượng đạt 125.000 tấn, trong đó tỷ lệ rau an toàn đạt trên 80%; định hướng đến năm 2030 đạt 15.000 ha và sản lượng đạt 200.000 tấn, trong đó tỷ lệ rau an toàn đạt 100%;

- Cây bắp và các cây công nghiệp hàng năm (đậu nành, mè,...): Phân đầu đến năm 2020, diện tích trồng bắp 2.000 ha, trồng đậu nành 1.000 ha và trồng mè 6.000 ha; định hướng đến năm 2030, diện tích trồng bắp 4.000 ha, trồng đậu nành 2.000 ha và trồng mè 6.000 ha;

- Hoa, cây cảnh: Đến năm 2020, diện tích trồng hoa, cây cảnh đạt 500 – 700 ha; định hướng đến năm 2030 đạt trên 1.000 ha. Địa bàn bố trí là các vùng sản xuất hoa kiểng truyền thống, khu vực nhà - vườn nội ô và khu vực nông thôn ven đô thị;

- Cây công nghiệp lâu năm: Chủ yếu là cây dừa với diện tích bố trí ổn định đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 là 2.500 ha, sản lượng đạt 11.000 – 12.000 tấn;

- Cây ăn quả: Phân đầu đến năm 2020 đạt 15.500 ha và sản lượng đạt 100.000 tấn. Định hướng đến năm 2030, diện tích trồng cây ăn quả của thành phố đạt 16.000 ha và sản lượng đạt 130.000 tấn.

#### b) Chăn nuôi:

- Đẩy mạnh phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm theo hướng tập trung an toàn sinh học, tăng sản xuất giống tốt cung cấp cho thành phố và các tỉnh, phân đầu đạt tốc độ tăng giá trị sản xuất 7,41%/năm, tăng dần tỷ trọng chăn nuôi lên 17,3% năm 2020 và định hướng đến năm 2030 đạt trên 28% - 30%;

- Sản phẩm chính đến năm 2020: Sản lượng thịt hơi các loại 37.500 tấn, trứng gia cầm 88 triệu quả, heo giống xuất đi các tỉnh 120.000 con và gia cầm giống xuất đi các tỉnh 2.900.000 con. Định hướng đến năm 2030, sản phẩm thịt hơi các loại đạt 46.800 tấn, trứng gia cầm đạt 110 triệu quả, heo giống xuất đi các tỉnh 346.000 con và gia cầm giống xuất đi các tỉnh 4.400.000 con.

#### c) Cây phân tán:

Đẩy mạnh trồng cây xanh trong các khu đô thị và cây lâm nghiệp phân tán ở khu vực nông thôn tại các công trình công cộng, vườn nhà, ven kênh rạch và ven các tuyến đường. Dự kiến đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030, bình quân hàng năm trồng thêm khoảng 01 triệu cây lâm nghiệp phân tán (quy đổi khoảng 500 ha).

#### d) Thủy sản:

- Duy trì tốc độ tăng giá trị sản xuất ngành thủy sản từ nay đến năm 2020 đạt 4,57%/năm và nâng tỷ trọng trong giá trị sản xuất toàn ngành lên 32,7% năm 2020 và định hướng đến năm 2030 đạt 39-40%. Tổng sản lượng thủy sản đến năm 2020 đạt 241.500 tấn, đến năm 2030 đạt 267.500 tấn. Số lượng cơ sở sản xuất giống đến năm 2020 là 130 cơ sở, đến năm 2030 là 150 cơ sở;

- Nuôi trồng thủy sản: Hình thành vùng nuôi tập trung có hạ tầng đồng bộ, ứng dụng quy trình, công nghệ nuôi tiên tiến. Phân đầu đến năm 2020, diện tích nuôi đạt 12.500 ha và sản lượng nuôi đạt 236.500 tấn. Định hướng đến năm 2030, diện tích nuôi thủy sản đạt 14.000 ha và sản lượng đạt 263.000 tấn;

- Khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản: Hạn chế đến mức thấp nhất và xử lý nghiêm các hoạt động khai thác có tính chất hủy diệt. Duy trì sản lượng khai thác thủy sản khoảng 5.000 tấn năm 2020 và định hướng đến năm 2030 đạt 4.500 tấn.

## **V. Định hướng phát triển nông thôn**

### **1. Mục tiêu phát triển**

#### **a) Mục tiêu tổng quát:**

Xây dựng nông thôn mới gắn với phát triển du lịch có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ và phát triển toàn diện, bền vững, phù hợp với tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa thành phố; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn phát triển nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ, du lịch đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày càng được nâng cao; an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được đảm bảo; hệ thống chính trị ở nông thôn dưới sự lãnh đạo của Đảng được tăng cường.

#### **b) Mục tiêu cụ thể:**

##### **- Đến năm 2020:**

- + Phấn đấu xây dựng hoàn thành 100% số xã (36 xã) đạt chuẩn nông thôn mới;
- + Thu nhập của dân cư nông thôn đạt 50 triệu đồng/người/năm;
- + Cơ bản hoàn thành các công trình thiết yếu đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất và đời sống của dân cư nông thôn: Giao thông, điện, nước sinh hoạt, trường học, trạm y tế xã;
- + Tạo nhiều mô hình sản xuất gắn với việc làm ổn định, nâng cao chất lượng cuộc sống của dân cư nông thôn.

##### **- Đến năm 2030:**

- + củng cố, duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí; rút ngắn khoảng cách phát triển giữa khu vực nông thôn và đô thị;
- + Thu nhập của dân cư nông thôn gấp hơn 2 lần so với năm 2020, đạt 100 triệu đồng/người/năm;

### **2. Định hướng phát triển nông thôn**

#### **a) Phát triển sản xuất, tạo việc làm và tăng thu nhập:**

Đẩy mạnh phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản, đồng thời củng cố và phát triển các ngành nghề chế biến nông thủy sản, đồ gỗ dân dụng, may mặc, sản phẩm kim khí, vật liệu xây dựng, ngành nghề xây dựng và dịch vụ; từng bước phát triển các ngành nghề mà thành phố có nguyên liệu và thị trường có triển vọng như: Chế biến rau, quả và thực phẩm, đóng tàu thuyền, cơ khí, điện tử, sinh vật cảnh (cây cảnh, cá cảnh, chim cảnh), hàng thủ công mỹ nghệ phục vụ du lịch.

#### **b) Xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn:**

- Giao thông nông thôn: Nâng cấp 100% km đường trục xã, 75-100% đường trục ấp đạt tiêu chuẩn quy định;

- Thủy lợi: Hoàn thiện hệ thống thủy lợi, điều tiết hợp lý nguồn nước, phục vụ sản xuất nông nghiệp, các khu vực dân cư, góp phần phát triển hạ tầng kinh tế
- xã hội nông thôn;

- Cấp nước sinh hoạt nông thôn: Xây dựng các trạm cấp nước tập trung với quy mô vừa và nhỏ tại các trung tâm xã và các cụm, tuyến dân cư tập trung. Phần đầu đến năm 2020 có 75% dân số được cung cấp nước sạch sinh hoạt đạt theo QCVN 02:2009/BYT;

- Cấp điện nông thôn: Nâng cấp, đầu tư mới các tuyến trung thế, hạ thế và trạm biến áp nhằm đảm bảo đến năm 2020 cung cấp điện thường xuyên và an toàn cho 100% hộ nông thôn;

- Đẩy mạnh đầu tư hoàn thiện cơ sở vật chất: Trường học; cơ sở văn hoá – thông tin, thể thao; cơ sở vật chất bưu điện; cơ sở vật chất y tế; nhà ở dân cư;

- Cải thiện môi trường nông thôn: củng cố và xây dựng các điểm thu gom và xử lý rác; kiểm soát chặt chẽ nguồn nước thải, chất thải từ các cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ; phát động trong nhân dân tích cực trồng cây xanh, cây lâm nghiệp phân tán, các loại cây chống sạt lở đất.

## **VI. Nhu cầu vốn đầu tư**

### **1. Nhu cầu vốn đầu tư**

Tổng nhu cầu vốn đầu tư toàn xã hội cho phát triển nông nghiệp, nông thôn của thành phố giai đoạn 2017 - 2020 ước tính là 11.522 tỷ đồng, bao gồm: Vốn đầu tư nông nghiệp là 4.480 tỷ đồng và đầu tư xây dựng nông thôn mới là 7.042 tỷ đồng.

### **2. Cơ cấu nguồn vốn đầu tư**

a) Vốn ngân sách Nhà nước: 2.997 tỷ đồng (chiếm 26%):

- Ngân sách Trung ương: 303 tỷ đồng (chiếm 2,6%);

- Ngân sách địa phương: 2.338 tỷ đồng (chiếm 20,3%);

- Vốn ODA (Trung ương cấp phát cho địa phương): 356 tỷ đồng (chiếm 3,1%).

b) Vốn huy động (doanh nghiệp, dân cư...): 8.525 tỷ đồng (chiếm 74%).

## **VII. Giải pháp chung thực hiện quy hoạch**

### **1. Giải pháp về tổ chức sản xuất**

a) Tăng cường liên kết với các địa phương và liên kết 04 nhà:

- Xây dựng, triển khai có hiệu quả quy hoạch các ngành hàng chủ lực, các chương trình và dự án ưu tiên, đặc biệt là chương trình và dự án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, chương trình và dự án phát triển giống cây con chủ lực nhằm tạo cơ sở pháp lý để thực hiện các chính sách hỗ trợ và thu hút đầu tư cho phát triển nông nghiệp, nông thôn của thành phố;

- Cụ thể hóa chính sách ưu đãi, hỗ trợ đối với doanh nghiệp, tổ chức đại diện cho nông dân và hộ nông dân tham gia hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu



thụ nông sản, xây dựng cánh đồng mẫu lớn theo Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25 tháng 10 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế tập thể:

- Đổi mới phương pháp tuyên truyền, hỗ trợ nông dân nâng cao nhận thức về kinh tế tập thể trước yêu cầu phát triển của nền nông nghiệp hàng hóa;

- Nâng cao kiến thức quản lý và nghiệp vụ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ hợp tác xã kèm theo chính sách đãi ngộ thỏa đáng; thực hiện thí điểm đưa cán bộ có trình độ đại học về làm chủ nhiệm hợp tác xã;

- Khuyến khích xã viên góp vốn bằng nhiều hình thức và tạo thuận lợi cho hợp tác xã có thể thế chấp bằng tài sản từ vốn vay, dự án để vay vốn.

c) Khuyến khích phát triển trang trại, doanh nghiệp:

- Khuyến khích hộ nông nghiệp mở rộng quy mô đất đai thành lập trang trại và hộ trang trại thành lập doanh nghiệp; đồng thời tạo điều kiện để hộ nông nghiệp ít đất chuyển nhượng đất đai, hỗ trợ đào tạo nghề để chuyển đổi sang hoạt động ngành nghề và dịch vụ.

- Thực hiện có hiệu quả các chính sách ưu đãi về đất đai, tín dụng, thuế đối với trang trại, doanh nghiệp, nhất là trang trại, doanh nghiệp trên địa bàn sản xuất còn nhiều khó khăn, vùng đồng bào dân tộc.

d) Nhân rộng các mô hình liên kết sản xuất hiệu quả:

Hàng năm tiến hành tổng kết, đánh giá các mô hình hợp tác, liên kết sản xuất trong và ngoài thành phố như mô hình cánh đồng lúa lớn, mô hình cánh đồng lúa chất lượng cao, mô hình liên kết nuôi cá tra, mô hình chăn nuôi gia công,... Từ đó, lựa chọn các mô hình hiệu quả để nhân rộng toàn thành phố.

đ) Đầu tư đồng bộ hạ tầng các vùng sản xuất hàng hóa tập trung:

- Lập và triển khai các dự án đầu tư xây dựng vùng sản xuất cây con tập trung ứng dụng công nghệ cao như: Vùng sản xuất lúa giống, lúa chất lượng cao, lúa đặc sản, cây ăn quả, rau an toàn, hoa, cây cảnh;

- Ưu tiên đầu tư đồng bộ hệ thống kênh, mương, cống, bơm phục vụ tưới tiêu kết hợp với giao thông nội đồng, mạng lưới cấp điện và trạm bơm điện trong các vùng sản xuất cây con tập trung.

## **2. Giải pháp về tiêu thụ sản phẩm**

- củng cố, sắp xếp lại hệ thống thu mua, chế biến, tiêu thụ trong nước và xuất khẩu trên địa bàn thành phố. Hoàn thiện tiêu chuẩn chất lượng từng mặt hàng và quy trình kỹ thuật, tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm các cơ sở chế biến. Giải quyết những vướng mắc về rào cản kỹ thuật thương mại; đẩy mạnh xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý cho các nông thủy sản chủ lực của thành phố;

- Tiếp tục củng cố, tăng cường năng lực hoạt động của các đơn vị xúc tiến thương mại, mở rộng xuất khẩu đi đôi với khai thác có hiệu quả thị trường nội địa. Đầu tư nâng cấp chợ nông thôn để tăng khả năng giao lưu nông thủy sản hàng hóa, đảm bảo vệ sinh môi trường.

### **3. Giải pháp về khoa học, công nghệ và khuyến nông**

a) Đẩy mạnh ứng dụng, chuyển giao khoa học và công nghệ:

- Ưu tiên thực hiện các đề tài nghiên cứu, ứng dụng, sản xuất thử về giống, chế phẩm phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, thức ăn thủy sản và thức ăn chăn nuôi, cơ giới hóa nông nghiệp, tưới tiết kiệm nước, chế biến và bảo quản sản phẩm, xử lý môi trường ao nuôi và chuồng nuôi,... trong đó, đặc biệt quan tâm đến các mô hình ứng dụng công nghệ cao;

- Hoàn thiện quy trình sản xuất cho từng loại cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện sinh thái của từng tiểu vùng và khả năng đầu tư của người dân. Khuyến khích nhân rộng các mô hình chuyển đổi cơ cấu mùa vụ, mô hình nông nghiệp và thủy sản kết hợp, mô hình ứng dụng quy trình canh tác an toàn sinh học, mô hình nông nghiệp đô thị và mô hình nông nghiệp ven đô thị. Đầu tư xây dựng các vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và các khu nông nghiệp công nghệ cao.

b) Nâng cao hiệu quả công tác khuyến nông:

- Củng cố mạng lưới và nâng cao năng lực hoạt động của cán bộ khuyến nông từ thành phố xuống đến xã, phường và thị trấn. Tăng kinh phí đầu tư từ ngân sách, tranh thủ các nguồn vốn tài trợ, khuyến khích doanh nghiệp tham gia trực tiếp vào công tác khuyến nông;

- Liên kết với các viện, trường, trung tâm nghiên cứu triển khai các mô hình chuyển giao tiến bộ kỹ thuật và khuyến nông. Huy động các doanh nghiệp, đoàn thể và các cơ quan thông tin đại chúng tham gia công tác khuyến nông.

### **4. Cơ giới hóa, tự động hóa trong các khâu sản xuất**

a) Nghiên cứu, ứng dụng các loại máy nông nghiệp có giá thành hợp lý, công nghệ phù hợp với điều kiện sinh thái của từng tiểu vùng và đặc điểm, quy mô sản xuất của từng cây con. Ứng dụng công nghệ thông tin, tự động hóa vào quá trình sản xuất;

b) Tiếp tục chính sách hỗ trợ tín dụng mua sắm máy móc, thiết bị phục vụ nhu cầu cơ giới hóa cho doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, chủ trang trại và hộ nông dân; khuyến khích các cơ sở kinh doanh máy nông nghiệp mở rộng các hình thức bán trả góp thông qua chính sách tín dụng và thuế;

c) Cải tạo mặt bằng, mở rộng quy mô đồng ruộng, đi đôi với phát triển hệ thống giao thông vận chuyển để nâng cao hiệu quả hoạt động của máy móc.

### **5. Giải pháp về đào tạo nguồn nhân lực**

a) Xây dựng kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực cho ngành nông nghiệp và nông thôn. Trước mắt, tập trung vào đào tạo nghề cho lực lượng lao động nông thôn để giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập; đào tạo đội ngũ quản lý sản xuất kinh doanh nông nghiệp, nhất là cán bộ hợp tác xã, chủ trang trại, chủ doanh nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn. Lâu dài, sẽ đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ, công nhân kỹ thuật có trình độ cao theo yêu cầu phát triển nền nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao;

b) Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển đào tạo và dạy nghề cho nông dân; tranh thủ sự hỗ trợ về đào tạo từ các viện, trường thông qua các đề tài nghiên cứu, triển khai mô hình trình diễn và tổ chức thăm quan, hội thảo. Triển khai có hiệu quả chương trình hỗ trợ tín dụng ưu đãi cho nông dân có nhu cầu tham gia vào các lớp học nghề.

## **6. Giải pháp về huy động vốn đầu tư**

a) Tổ chức thường niên, có hiệu quả diễn đàn hợp tác đầu tư nhằm mở rộng hợp tác, thu hút các nguồn đầu tư trong và ngoài nước phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, nhất là các địa phương trong vùng đồng bằng sông Cửu Long, Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh vùng Đông Nam Bộ;

b) Tiếp tục tăng đầu tư từ ngân sách cho công tác thủy lợi, nước sạch sinh hoạt, xây dựng cụm tuyến dân cư và nghiên cứu, chuyển giao khoa học - công nghệ, đào tạo nhân lực;

c) Huy động nguồn vốn tín dụng đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn, nhất là nguồn vốn vay trung và dài hạn phù hợp với chu kỳ sản xuất của từng đối tượng; hỗ trợ mua sắm máy móc nông nghiệp, xây dựng nhà máy chế biến, kho chứa và chợ nông thôn. Mở rộng các hình thức vay không thế chấp, vay bảo hiểm, vay dưới hình thức cho thuê tài chính đối với doanh nghiệp và hợp tác xã;

d) Phát triển đối tác công tư, hợp tác công tư, nhà nước tham gia đầu tư cùng doanh nghiệp xây dựng và vận hành các công trình kết cấu hạ tầng, cung cấp dịch vụ công trong nông nghiệp, nông thôn; hỗ trợ doanh nghiệp tổ chức lại sản xuất, gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng của sản phẩm.

## **7. Giải pháp về hỗ trợ thích ứng với biến đổi khí hậu**

a) Tuyên truyền phổ biến sâu rộng về tác động của biến đổi khí hậu, nước biển dâng đến toàn thể cộng đồng dân cư trên địa bàn thành phố để tự giác, chủ động công tác phòng, chống;

b) Xây dựng hệ thống tổ chức chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng thống nhất từ thành phố xuống đến quận, huyện, phường, xã và thị trấn, trong đó có kế hoạch hành động chi tiết để ứng phó chủ động, giảm thiểu thiệt hại;

c) Ưu tiên đầu tư hoàn thiện hệ thống thủy lợi, hoàn chỉnh hệ thống đê sông, hệ thống cống điều tiết và các hạ tầng kỹ thuật cần thiết khác phục vụ sản xuất nông nghiệp và đảm bảo đời sống của nhân dân. Lắp đặt hệ thống quan trắc, cảnh báo ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, nước biển dâng đối với nông nghiệp, nông thôn ở những khu vực nhạy cảm.

## **Điều 2: Tổ chức thực hiện quy hoạch**

### **1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

a) Tổ chức công bố và triển khai thực hiện Quy hoạch nông nghiệp, nông thôn thành phố Cần Thơ đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 theo các quy định hiện hành;

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và các quận, huyện tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về cơ chế, chính sách và giải pháp triển khai thực hiện có hiệu quả quy hoạch nông nghiệp, nông thôn;

c) Cụ thể hóa các chỉ tiêu quy hoạch trong kế hoạch 5 năm và hàng năm để làm cơ sở chỉ đạo sản xuất và hướng dẫn các quận, huyện xây dựng quy hoạch, kế hoạch nông nghiệp, nông thôn;

d) Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt các quy hoạch sản phẩm chủ lực, các chương trình, dự án ưu tiên và tổ chức thực hiện có hiệu quả.

## **2. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ngành, địa phương liên quan tổ chức tốt diễn đàn kêu gọi đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; tham mưu trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù nhằm thu hút, khuyến khích các doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn nhất là đầu tư vào phát triển các vùng sản xuất hàng hoá chuyên canh quy mô lớn và lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao;

b) Hướng dẫn các sở, ngành, các địa phương và các doanh nghiệp lập quy hoạch, thẩm định và trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt các quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án ưu tiên cũng như tham mưu bố trí nguồn vốn hỗ trợ nhằm thực hiện hiệu quả Quy hoạch này.

## **3. Sở Tài chính**

Chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ngành, quận, huyện liên quan tổng hợp nhu cầu vốn sự nghiệp và tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố bố trí vốn sự nghiệp cho phát triển nông nghiệp, nông thôn theo quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án được duyệt.

## **4. Sở Tài nguyên và Môi trường**

a) Chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và sở, ngành, quận, huyện liên quan quản lý, sử dụng đất nông nghiệp theo đúng quy hoạch, kế hoạch nông nghiệp, nông thôn được duyệt, đặc biệt là quản lý, sử dụng đất chuyên trồng lúa;

b) Tạo thuận lợi và hỗ trợ về thủ tục đất đai đối với các nhà đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; tăng cường quản lý môi trường ở các làng nghề, các vùng sản xuất nông sản hàng hóa tập trung để đảm bảo phát triển bền vững.

## **5. Sở Công Thương**

a) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ngành, quận, huyện liên quan xây dựng các chương trình, đề án, dự án và các giải pháp hỗ trợ tiêu thụ các sản phẩm nông thủy sản theo quy hoạch được duyệt;

b) Hướng dẫn, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân xây dựng và quảng bá thương hiệu cho các nông sản, thực phẩm hàng hóa chủ lực mang tính đặc trưng của thành phố; xây dựng và phát triển hệ thống chợ, siêu thị tiêu thụ nông sản, thực phẩm.

## **6. Sở Khoa học và Công nghệ**

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu với Ủy ban nhân dân thành phố xây dựng các đề tài, dự án, giải pháp và chính sách thúc đẩy ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, trước hết là các tiến bộ kỹ thuật về giống, quy trình canh tác, tưới nước, bón phân, bảo quản sau thu hoạch, chế biến và tiêu thụ nông sản;

b) Hướng dẫn các doanh nghiệp, hợp tác xã và các cơ sở sản xuất xây dựng nhãn hiệu hàng hóa cho nông sản, thực phẩm; xây dựng thương hiệu và chỉ dẫn địa lý cho các nông sản, thực phẩm chủ lực của thành phố.

## **7. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội**

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ngành, địa phương liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố về cơ chế, chính sách hỗ trợ triển khai có hiệu quả công tác đào tạo nghề cho lao động nông nghiệp, nông thôn theo Quyết định 1956/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ.

## **8. Sở Thông tin và Truyền thông**

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ngành, địa phương liên quan tuyên truyền sâu rộng quy hoạch nông nghiệp, nông thôn và các chủ trương, chính sách, giải pháp thực hiện quy hoạch nông nghiệp, nông thôn được duyệt.

## **9. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên**

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ngành, địa phương liên quan đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, vận động các đoàn viên, hội viên tham gia tích cực và triển khai có hiệu quả quy hoạch nông nghiệp nông thôn được duyệt.

## **10. Ủy ban nhân dân quận, huyện**

a) Căn cứ nội dung của quy hoạch, đặc điểm, tình hình của từng địa phương xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án về nông nghiệp, nông thôn phù hợp với điều kiện của địa phương;

b) Xây dựng các mô hình liên kết sản xuất – tiêu thụ nông sản, cánh đồng lớn gắn với doanh nghiệp, trang trại; đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ và cơ giới hoá vào sản xuất; tăng cường quản lý và thực hiện đúng các quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án được duyệt;

c) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ngành liên quan thường xuyên kiểm tra, đánh giá, đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn trong quá trình thực hiện quy hoạch.

## **11. Các đơn vị, doanh nghiệp**

Tăng cường đầu tư nâng cao năng lực chế biến. Hỗ trợ nông dân trong việc đầu tư xây dựng các vùng nguyên liệu. Hình thành mạng lưới thu mua nông sản rộng khắp để thu mua hết và kịp thời các nông sản hàng hóa cho nông dân thông qua các hình thức ký kết hợp đồng tiêu thụ nông sản với giá cả hợp lý.

## **12. Các ngân hàng thương mại và quỹ tín dụng**

Tư vấn cho nông dân, hợp tác xã, doanh nghiệp nông nghiệp, chế biến xây dựng phương án vay vốn và sử dụng vốn, tạo điều kiện thuận lợi để được vay vốn đầy đủ, kịp thời theo yêu cầu của phát triển sản xuất kinh doanh.

## **13. Các viện, trường**

Hỗ trợ địa phương trong việc tập huấn, đào tạo nghề cho nông dân. Hỗ trợ nông dân trong việc ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ. Tư vấn cho nhà nước, doanh nghiệp chế biến và ngân hàng thương mại về tiến bộ khoa học và công nghệ trong nông nghiệp.

## **14. Hộ gia đình nông nghiệp, nông thôn**

a) Tích cực chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo định hướng quy hoạch chung của thành phố, nhất là các hộ nằm trong vùng nguyên liệu, vùng dự án đầu tư. Chủ động phối hợp với các nhà nhằm đưa nhanh tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất để gia tăng năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất;

b) Nêu cao tinh thần trách nhiệm trong việc ký kết hợp đồng vay vốn, tiêu thụ nông sản. Tham gia tích cực vào các hiệp hội và tổ chức kinh tế hợp tác.

**Điều 3:** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 4:** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan, ban ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện và các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

*(Đính kèm Phụ lục các quy hoạch, chương trình trọng điểm và dự án ưu tiên)*

### **Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- TT.Thành ủy;
- TT. HĐND thành phố;
- CT, các PCT UBND thành phố;
- VP UBND thành phố (3B);
- Trung tâm thông tin điện tử Cần Thơ;
- Lưu: VT,QT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Đào Anh Dũng**